



máng

忙

busy

Common Words

máng lù

忙碌

be busy; bustle about; be on the go

fán máng

繁忙

busy

máng huò

忙活

Keep busy / Be occupied with work

Trace each stroke, then write the character on your own.

忙 忙 忙 忙 忙 忙 忙 忙 忙